

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23- 9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Ngọc

Ông Hoàng Văn Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hà Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về vụ xin ly hôn; tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị O, sinh năm 1995

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn H, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Ma Văn C, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị O xây dựng gia đình với anh Ma Văn C vào năm 2014, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 26/3/2015. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn anh Ma Văn C ở nhà thường xuyên đi uống rượu say về chửi, đánh chị. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn quan tâm, hỏi thăm gì đến nhau, hiện nay chị O và con gái là Ma Hoàng Y đang ở nhà bố mẹ của chị ở Thôn H, xã C, huyện B. Hiện nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Ma Văn C nữa, chị Trương Thị O yêu cầu được ly hôn với anh Ma Văn C.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Ma Hoàng Y, sinh ngày 18/11/2015. Khi ly hôn chị Trương Thị O yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Ma Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Công ty Gunho của Hàn Quốc tại tỉnh Bắc Ninh, mức thu nhập trung bình từ 8.000.000 đồng/tháng đến 9.000.000 đồng/tháng, chị đi làm hàng tuần vẫn về thăm con. Còn anh Ma Văn C và gia đình nhà chồng chỉ thỉnh thoảng đến ngày lễ, tết mới đến chơi và đón con về nhà chơi, các chi phí cho việc sinh hoạt, học hành của con đều do chị tự lo. Những ngày chị O đi làm thì bố mẹ đẻ của chị vẫn hộ chị chăm sóc và đưa đón cháu đi học, từ ngày vợ chồng ly thân đến nay cháu học ở trường mầm non xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, hiện nay cháu đang học lớp 4 tuổi, cháu vẫn được chị và bố mẹ chị giúp chăm sóc chu đáo.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Ma Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Văn C xây dựng gia đình với chị Trương Thị O vào năm 2014, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B vào ngày 26/3/2015. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường, quá trình chung sống vợ chồng chỉ thỉnh thoảng cãi chửi, nhau, không có mâu thuẫn trầm trọng. Đầu năm 2017, anh C đi Trung Quốc làm thuê, chị O ở nhà đưa con ra nhà bố mẹ đẻ ở Thôn H, xã C, huyện B và chị O đã đi làm công nhân ở Bắc Ninh. Sau khi anh đi Trung Quốc về anh có ra đón hai mẹ con chị O về, thời gian đầu thỉnh thoảng chị O vẫn đưa con về nhưng đến đầu năm 2018 thì chị O không về nữa mặc dù anh đã nhiều lần bảo hai mẹ con về nhưng chị O không đồng ý. Vợ chồng anh đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, từ khi ly thân đến nay anh C thỉnh thoảng vẫn nhắn tin, gọi điện hỏi thăm chị O nhưng chị O có lúc thì trả lời, lúc thì không trả lời điện thoại của anh. Còn đối với con, cuối tuần anh vẫn hay ra đón con về chơi. Hiện nay chị O cho rằng không còn tình cảm với anh và yêu cầu ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Ma Hoàng Y, sinh ngày 18/11/2015. Khi ly hôn anh Ma Văn C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Trương Thị O phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì hiện nay chị O đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, thỉnh thoảng mới về nhà, không ở nhà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc

con, con anh chủ yếu là ở với bố mẹ đẻ của chị O. Hiện nay anh ở nhà đi làm thợ xây và lắp điện nước thuê, mức thu nhập hàng tháng là từ 7.000.000 đồng/tháng đến 9.000.000 đồng/tháng. Do anh tự đi làm thuê nên không có bảng lương, mức thu nhập cụ thể để nộp cho Tòa án.

Từ khi vợ chồng ly thân, chị O đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay thì cháu Ma Hoàng Y đi học ở trường mầm non xã C, huyện B, hiện nay cháu Ma Hoàng Y đang học lớp 4 tuổi. Chi phí cho việc sinh hoạt và học tập của cháu Ma Hoàng Y từ trước đến nay là do chị Trương Thị O lo. Còn anh hàng tháng vẫn mua quần áo và sữa cho con. Hàng ngày cháu đi học chủ yếu là do bố mẹ đẻ chị O đưa đón hộ. Cuối tuần anh vẫn hay thường xuyên ra thăm và đón con về chơi.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chị Trương Thị O và bị đơn anh Ma Văn C trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa; căn cứ vào Điều 55; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị O và anh Ma Văn C. Về con chung: Giao cháu Ma Hoàng Y cho chị Trương Thị O được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục; anh Ma Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Ma Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc trách nhiệm chịu án phí cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trương Thị O khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ma Văn C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn P, xã T, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản khai theo quy định, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp và phiên hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị O và anh Ma Văn C là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 26/3/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị O và anh Ma Văn C là hợp pháp. Quá trình chung sống chị Trương Thị O cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C hay đi uống rượu say về chửi, đánh chị và chị yêu cầu được ly hôn với anh C; còn anh Ma Văn C cho rằng vợ chồng chưa có mâu thuẫn trầm trọng, nhưng chị O yêu cầu ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí vì vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân của chị O và anh C có mâu thuẫn và không đạt được mục đích. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Trương Thị O và anh Ma Văn C đều nhất trí thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị O và anh Ma Văn C.

[5] Về con chung: Có 01 người con chung tên là Ma Hoàng Y, sinh ngày 18/11/2015. Quá trình giải quyết vụ án cả chị O và anh C đều yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Ma Hoàng Y đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Ma Hoàng Y đã ở với chị O và ông bà ngoại, có sự gắn bó tình cảm hơn và cháu Y hiện nay đang học tại Trường Mầm non xã C, huyện B, mặc dù chị O đi làm xa nhưng vẫn có thời gian và điều kiện thường xuyên quan tâm, chăm sóc con, có căn cứ thể hiện mức thu nhập ổn định để đảm bảo nuôi dưỡng con. Còn anh C mặc dù đi làm ở gần nhà tại xã T, nhưng từ ngày vợ chồng ly thân đến nay anh C không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Y, việc chu cấp và đưa đón cháu Y đi học vẫn đều do chị O và bố mẹ đẻ chị O lo. Vì vậy, yêu cầu được trực tiếp nuôi con khi ly hôn của chị O là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị O không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị O và anh C đều trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Trương Thị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Nguyên đơn chị Trương Thị O và bị đơn anh Ma Văn C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 55; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị O và anh Ma Văn C.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị O về quyền nuôi con, giao con chung là cháu Ma Hoàng Y, sinh ngày 18/11/2015 cho chị Trương Thị O được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Ma Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Ma Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

3. Về án phí: Chị Trương Thị O phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Trương Thị O đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0000189 ngày 08/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trương Thị O và bị đơn anh Ma Văn C có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Tú

Hoàng Văn Ngọc

Dương Thị Ngọc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Thị Ngọc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA huyện Bắc Sơn; tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Long Đống, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Ngọc

